

**HỌC VIỆN NGOẠI GIAO
KHOA LUẬT QUỐC TẾ**



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
CỬ NHÂN NGÀNH LUẬT QUỐC TẾ**

Hà Nội, tháng 8 năm 2020

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH | 1 |
| 1. Ngành đào tạo..... | 1 |
| 2. Tên văn bằng | 1 |
| 3. Cơ sở cấp bằng..... | 1 |
| 4. Cơ sở tổ chức giảng dạy..... | 1 |
| 5. Căn cứ xây dựng và điều chỉnh Chương trình | 1 |
| 6. Tiêu chí tuyển sinh..... | 3 |
| 7. Thời gian đào tạo | 3 |
| 8. Điều kiện tốt nghiệp | 3 |
| 9. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp..... | 4 |
| 10. Cơ hội học tập ở các chương trình đào tạo tương đương hoặc bậc cao hơn | 4 |
| II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA, CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO; PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ..... | 5 |
| 1. Mục tiêu | 5 |
| 2. Chuẩn đầu ra..... | 6 |
| 3. Phương pháp, hình thức tổ chức giảng dạy, học tập | 8 |
| 4. Phương pháp đánh giá..... | 10 |
| 5. Khối lượng kiến thức toàn khóa..... | 11 |
| III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO | 12 |
| 1. Khối kiến thức giáo dục đại cương..... | 12 |
| 2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp | 12 |
| 3. Kiến thức ngoại ngữ | 14 |
| 4. Học phần kỹ năng | 14 |
| 5. Kiến thức hướng nghiệp..... | 15 |
| 6. Kiến thức tốt nghiệp | 15 |
| 7. Ma trận sự đóng góp của mỗi học phần vào việc đạt được Chuẩn đầu ra..... | 16 |
| IV. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY DỰ KIẾN | 19 |
| V. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN | 23 |
| 1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN | 23 |
| 2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN | 23 |
| 3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC | 24 |

| | |
|--|----|
| 4. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH | 24 |
| 5. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM | 25 |
| 6. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC | 25 |
| 7. LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT VÀ HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM | 26 |
| 8. LUẬT HIẾN PHÁP VIỆT NAM VÀ CÁC NƯỚC | 26 |
| 9. CÔNG PHÁP QUỐC TẾ | 27 |
| 10. TƯ PHÁP QUỐC TẾ..... | 27 |
| 11. LUẬT HỌC SO SÁNH..... | 28 |
| 12. LUẬT KINH TẾ QUỐC TẾ | 28 |
| 13. LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM | 29 |
| 14. LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM..... | 29 |
| 15. LUẬT THƯƠNG MẠI VIỆT NAM..... | 30 |
| 16. LUẬT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ | 30 |
| 17. LUẬT NHÂN QUYỀN QUỐC TẾ | 31 |
| 18. LUẬT TỔ CHỨC QUỐC TẾ..... | 32 |
| 19. LUẬT BIÊN QUỐC TẾ..... | 32 |
| 20. LUẬT MÔI TRƯỜNG QUỐC TẾ | 33 |
| 21. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP QUỐC TẾ | 33 |
| 22. LUẬT NGOẠI GIAO VÀ LÃNH SỰ | 34 |
| 23. LUẬT ĐẦU TƯ QUỐC TẾ..... | 34 |
| 24. LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ | 35 |
| 25. LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ QUỐC TẾ..... | 35 |
| 26. TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ | 36 |
| 27. LUẬT KINH DOANH QUỐC TẾ | 36 |
| 28. LUẬT HỢP ĐỒNG VIỆT NAM..... | 37 |
| 29. LUẬT DOANH NGHIỆP VIỆT NAM..... | 37 |
| 30. LUẬT ĐẦU TƯ VIỆT NAM..... | 38 |
| 31. LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ VIỆT NAM..... | 38 |
| 32. LUẬT LAO ĐỘNG VIỆT NAM..... | 39 |
| 33. LUẬT HÀNH CHÍNH VIỆT NAM | 40 |
| 34. LUẬT THUẾ, TÀI CHÍNH VÀ NGÂN HÀNG VIỆT NAM | 40 |
| 35. LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH VIỆT NAM | 41 |
| 36. LUẬT ĐẤT ĐAI VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM..... | 41 |

| | |
|---|----|
| 37. LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM | 42 |
| 38. KỸ NĂNG TRANH TỤNG VÀ THỰC HÀNH DIỄN ÁN LUẬT | 42 |
| 39. KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN | 43 |
| 40. KỸ NĂNG HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ | 43 |
| 41. KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN VÀ KÝ KẾT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ | 44 |
| 42. TIẾNG ANH CƠ SỞ I | 44 |
| 43. TIẾNG ANH CƠ SỞ II | 45 |
| 44. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO I | 45 |
| 45. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO II | 46 |
| 46. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO III | 47 |
| 47. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO IV | 47 |
| 48. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO V | 48 |
| 49. LỊCH SỬ QUAN HỆ QUỐC TẾ HIỆN ĐẠI | 48 |
| 50. CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI VIỆT NAM TỪ 1975 ĐẾN NAY | 49 |
| 51. CÔNG TÁC NGOẠI GIAO | 49 |
| 52. TRUYỀN THÔNG QUỐC TẾ | 50 |
| 53. NGOẠI GIAO VĂN HÓA | 51 |
| 54. QUAN HỆ KINH TẾ QUỐC TẾ | 52 |
| 55. KINH TẾ ĐỐI NGOẠI VIỆT NAM | 52 |
| 56. TIN HỌC | 53 |
| 57. GIÁO DỤC THỂ CHẤT | 53 |
| 58. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG | 54 |

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

CỬ NHÂN NGÀNH LUẬT QUỐC TẾ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1. Ngành đào tạo: Luật Quốc tế

Mã ngành: 7380108

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

2. Tên văn bằng: Bằng Cử nhân ngành Luật quốc tế

3. Cơ sở cấp bằng: Học viện Ngoại giao

4. Cơ sở tổ chức giảng dạy: Khoa Luật Quốc tế, Học viện Ngoại giao

5. Căn cứ xây dựng và điều chỉnh Chương trình

5.1. Căn cứ pháp lý

- Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18/6/2012.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018.
 - Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
 - Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.
 - Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.
 - Thông tư số 24/2007/TT-BGDĐT ngày 10/10/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học.

- Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

- Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/08/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

- Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Quyết định số 07/2019/QĐ-TTg ngày 15/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Ngoại giao trực thuộc Bộ Ngoại giao.

5.2. Căn cứ thực tiễn

- Quyết định số 733/QĐ-HVNG ngày 19/8/2019 của Giám đốc Học viện Ngoại giao ban hành Chiến lược phát triển Học viện Ngoại giao giai đoạn 2019-2029.

- Quyết định số 1269/QĐ-HVNG ngày 27/12/2018 của Giám đốc Học viện Ngoại giao ban hành Sứ mạng, Tầm nhìn và Văn hóa của Học viện Ngoại giao.

- Quyết định số 538/QĐ-HVNG ngày 12/9/2014 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ.

- Chương trình đào tạo đại học ngành Cử nhân luật của Đại học Aukland (New Zealand), Viện nghiên cứu thương mại quốc tế Đại học Bern (Thụy Sỹ), Đại học Jean Moulin Lyon 3 (Pháp).

- Chương trình đào tạo cử nhân ngành luật, luật thương mại quốc tế của Đại học Luật Hà Nội, Khoa Luật - Đại học Ngoại thương, Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội để tham chiếu.

- Nhu cầu nguồn nhân lực làm việc tại các cơ quan Bộ, ngành, các tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

- Kết quả khảo sát các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức phi lợi nhuận, các doanh nghiệp, các cựu sinh viên Học viện Ngoại giao và sinh viên hiện tại của Học viện Ngoại giao (sinh viên năm thứ 4 năm học 2019-2020 của Học viện Ngoại giao).
- Kết quả phỏng vấn lấy ý kiến giảng viên.

6. Tiêu chí tuyển sinh

Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Học viện Ngoại giao.

7. Thời gian đào tạo

Tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ, thời gian thiết kế là 04 năm bao gồm cả thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp, được chia làm 08 học kỳ.

8. Điều kiện tốt nghiệp

Cuối mỗi khóa học, sinh viên có đủ tất cả các điều kiện sau đây sẽ được xét và công nhận tốt nghiệp:

| STT | Điều kiện | Tiêu chí thực hiện |
|-----|--|---|
| 1 | Phẩm chất đạo đức | Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập trở lên. |
| 2 | Kết quả học tập | <ul style="list-style-type: none"> Tích lũy đủ số học phần quy định của ngành đào tạo. Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học phải đạt từ 2.00 trở lên. |
| 3 | Ngoại ngữ | Có chứng chỉ Ngoại ngữ quốc tế theo quy định của Học viện. |
| 4 | Tin học | Theo quy định của Học viện. |
| 5 | Giáo dục quốc phòng, giáo dục thể chất | <ul style="list-style-type: none"> Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng - An ninh. Hoàn thành học phần Giáo dục thể chất theo quy định của Học viện. |

| | | |
|---|-----------------------|---|
| 6 | Học phí | Hoàn thành nghĩa vụ học phí theo quy định của Học viện. |
| 7 | Thư viện | Hoàn trả sách, tài liệu... theo quy định của Học viện. |
| 8 | Trách nhiệm cộng đồng | Đạt đủ Điểm hoạt động cộng đồng theo quy định của Học viện. |

9. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Nhóm 1: Làm việc trong các cơ quan, đơn vị nhà nước có chức năng nhiệm vụ liên quan đến luật pháp quốc tế, luật pháp hoặc hợp tác quốc tế của hầu hết bộ ban ngành và các cơ quan nhà nước. Đặc biệt, sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại các đơn vị trực thuộc Bộ Ngoại giao.

- Nhóm 2: Làm việc ở bộ phận pháp chế của các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty liên doanh, công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp nhà nước, đặc biệt các công ty có quan hệ thương mại, dịch vụ quốc tế (đảm nhận các công việc như phụ trách, rà soát các vấn đề có liên quan đến luật pháp nói chung, luật kinh tế quốc tế và kinh doanh quốc tế).

- Nhóm 3: Hành nghề luật sư tại các công ty luật Việt Nam và nước ngoài;

- Nhóm 4: Làm các công việc giảng dạy và nghiên cứu cho các trường đại học, các viện nghiên cứu trong và ngoài nước.

- Nhóm 5: Làm việc cho các cơ quan thông tin đại chúng như đài truyền hình, đài phát thanh, các toà soạn báo, tạp chí phụ trách các vấn đề liên quan tới pháp luật (cộng tác viên, phóng viên, biên tập viên).

- Nhóm 6: Làm việc tại các tổ chức quốc tế liên chính phủ, các tổ chức quốc tế phi chính phủ (đảm nhiệm các công việc liên quan đến các lĩnh vực của luật pháp quốc tế hoặc luật pháp nói chung).

10. Cơ hội học tập ở các chương trình đào tạo tương đương hoặc bậc cao hơn

- Trên nền tảng kiến thức chuyên môn và ngoại ngữ tốt, sinh viên tốt nghiệp có khả năng học tiếp tục ngay lên bậc sau Đại học (bậc Thạc sĩ, Tiến sĩ)

thuộc các chuyên ngành Công pháp quốc tế, Luật biển quốc tế, Luật thương mại quốc tế, Luật nhân quyền quốc tế, Luật kinh doanh quốc tế, Luật sở hữu trí tuệ quốc tế,... tại các trường Đại học, Học viện, các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

- Sau khi tốt nghiệp và có mong muốn hành nghề luật sư, sinh viên có thể tiếp tục học Chứng chỉ hành nghề Luật sư tại Học viện Tư pháp.

II. MỤC TIÊU, CHUẨN ĐÀU RA, CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO; PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Luật quốc tế có phẩm chất chính trị và đạo đức tốt, có tri thức về pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia, ngoại ngữ và có khả năng vận dụng các tri thức đó để đáp ứng nhu cầu của xã hội liên quan đến lĩnh vực được đào tạo trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng của Việt Nam.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Hiểu và vận dụng được vào thực tiễn hệ thống tri thức khoa học những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh, những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng Việt Nam giúp hình thành thế giới quan và phương pháp luận cho sinh viên khi tiếp cận và luận giải về các vấn đề hiện đại về pháp luật; có kiến thức cơ bản về pháp luật quốc tế, pháp luật Việt Nam; có khả năng vận dụng kiến thức cơ bản của ngành và kiến thức chuyên sâu để giải quyết các vấn đề pháp lý quốc tế trên thực tế; có kiến thức ngoại ngữ cần thiết để làm việc trong lĩnh vực luật quốc tế.

- Được trang bị các phương pháp và kỹ năng thực hành nghề luật; có khả năng tư duy, phân tích và đánh giá đúng các vấn đề pháp lý nói chung; có khả năng áp dụng các kỹ năng vào nhận diện và giải quyết các vấn đề pháp lý trong thực tiễn; có kỹ năng đàm phán, tư vấn pháp lý và làm việc với khách hàng; có khả năng làm việc độc lập, hợp tác trong làm việc nhóm; có kỹ năng giao tiếp,

trình bày và thuyết trình bằng tiếng Việt và tiếng Anh; có kỹ năng tra cứu thông tin, nghiên cứu văn bản, tài liệu; soạn thảo văn bản và viết báo cáo phân tích; sử dụng thành thạo máy tính và một số phần mềm ứng dụng văn phòng thông dụng.

- Trung thành với lợi ích của quốc gia; có ý thức tổ chức kỷ luật cao; nắm vững đường lối chính sách đối nội và đối ngoại của Nhà nước; có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp cần thiết của một người hành nghề luật, có ý thức tôn trọng và chấp hành luật pháp; có ý thức xây dựng và bảo vệ lợi ích cộng đồng và xã hội; có tinh thần trách nhiệm làm việc nghiêm túc, trung thực, khoa học, và trách nhiệm với công việc được giao; có tinh thần cầu tiến, thân thiện với các đồng nghiệp và các cá nhân khác trong công việc.

2. Chuẩn đầu ra

| STT | MÃ | Chuẩn đầu ra | Mức độ |
|-----------------------|-----|---|--------|
| 2.1. KIẾN THỨC | | | |
| 1 | KT1 | <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị Triết học, Kinh tế chính trị Mác - Lê nin, CNXH Khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng vào phân tích và giải quyết các vấn đề luật quốc tế trên thực tiễn. - Vận dụng kiến thức bổ trợ (truyền thông quốc tế, kinh tế quốc tế, quan hệ quốc tế) vào giải quyết các vấn đề trên thực tiễn. | 3/6 |
| 2 | KT2 | Vận dụng kiến thức cơ sở khối ngành như lý luận về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam, luật Hiến pháp Việt Nam và các nước để giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành đào tạo. | 3/6 |
| 3 | KT3 | Vận dụng kiến thức cơ sở ngành như công pháp quốc tế, tư pháp quốc tế, luật dân sự Việt Nam, luật hình sự Việt Nam, luật thương mại Việt Nam, luật | 3/6 |

| | | | |
|--|-----|--|-----|
| | | kinh tế quốc tế, luật so sánh,... trong việc nhận biết và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong thực tiễn công việc. | |
| 4 | KT4 | Vận dụng kiến thức chuyên sâu theo ngành trong lĩnh vực luật quốc tế như: luật thương mại quốc tế, luật đầu tư quốc tế, luật điều ước quốc tế, luật biển quốc tế, luật sở hữu trí tuệ Việt Nam, luật tố tụng dân sự Việt Nam, ... để giải quyết các vấn đề pháp lý cụ thể phát sinh trong thực tiễn công việc. | 3/6 |
| 5 | KT5 | Vận dụng kiến thức an ninh quốc phòng và kiến thức giáo dục thể chất trong rèn luyện bản thân. | 3/6 |
| 2.2. KỸ NĂNG | | | |
| 6 | KN1 | Giải quyết các vấn đề pháp lý theo pháp luật Việt Nam. | 4/5 |
| 7 | KN2 | Giải quyết các vấn đề pháp lý có yếu tố nước ngoài. | 4/5 |
| 8 | KN3 | Đàm phán, giao kết, tổ chức thực hiện và giải quyết tranh chấp phát sinh đối với các Hợp đồng hoặc Điều ước quốc tế. | 4/5 |
| 9 | KN4 | Có kỹ năng đàm phán, giải quyết mâu thuẫn, xung đột trong công việc của bản thân/nhóm/bộ phận/tổ chức; có kỹ năng tư duy và phản biện; khả năng thích nghi trong làm việc nhóm; thành thạo trong viết CV và trả lời phỏng vấn. | 4/5 |
| 10 | KN5 | Sử dụng ngoại ngữ và ngoại ngữ chuyên ngành trong thực tiễn công việc sau khi ra trường. | 4/5 |
| 11 | KN6 | Kỹ năng tin học: sinh viên sau khi tốt nghiệp có kỹ năng cơ bản trong các sản phẩm Microsoft Office: Word, Excel, PowerPoint,... | 4/5 |
| 2.3. MỨC ĐỘ TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM | | | |

| | | | |
|----|-------|--|-----|
| 12 | NLTC1 | Trở thành công dân toàn cầu, tuân thủ pháp luật, nguyên tắc đạo đức cá nhân, tiêu chuẩn ứng xử chuyên nghiệp. | 4/5 |
| 13 | NLTC2 | Tự học hỏi phục vụ cho công việc nhằm tạo năng lực làm việc suốt đời; có tinh thần trách nhiệm, hợp tác, tự chủ trong công việc; chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân. | 4/5 |

Ghi chú: Điểm mức độ yêu cầu theo thang năng lực Bloom: Kiến thức (1-6),

Dave: kỹ năng (1-5), Krathwohl: Đạo đức và trách nhiệm (1-5)

3. Phương pháp, hình thức tổ chức giảng dạy, học tập

| Phương pháp, hình thức tổ chức | Mục đích | Tỷ lệ (%) |
|--|--|-----------|
| Giảng dạy | | |
| Thuyết giảng | Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của các môn học một cách khoa học, logic. | 40% |
| Thảo luận trên lớp, Thảo luận nhóm, Thuyết trình | Thông qua việc trao đổi, hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên, giữa các sinh viên để làm rõ nội dung kiến thức trong môn học. Giúp sinh viên nâng cao kỹ năng trình bày vấn đề trước đám đông, rèn luyện kiến thức và kỹ năng môn học. | 20% |
| Nghiên cứu tình huống | Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung chương trình học vào giải quyết vấn đề thực tế trong một tình huống cụ thể. | 15% |
| Nghiên cứu khoa học | Giúp sinh viên phát huy tính năng động, sáng tạo, năng lực tự học, khả năng nghiên cứu khoa học độc lập và vận dụng các phương pháp | 15% |

| | | |
|---------------------------------------|---|-----|
| | nghiên cứu khoa học để giải quyết một số vấn đề của khoa học và thực tiễn. | |
| Học tập thông qua thực tế trải nghiệm | <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức các chuyên đề/tọa đàm/hội thảo với các chuyên gia về các vấn đề của học phần. - Đi thực tế tới các cơ quan, doanh nghiệp để tìm hiểu về quy trình tổ chức và làm việc. | 10% |

Học tập

| | | |
|--|---|-----|
| Học trên lớp | Giúp sinh viên tiếp thu kiến thức và trực tiếp trao đổi, thảo luận với giảng viên/nhóm. | 15% |
| Học ở nhà (Tự học /nghiên cứu trước tài liệu ở nhà) | Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu. | 15% |
| Học theo hình thức blended learning | Giúp sinh viên tiếp cận và ứng dụng công nghệ trong học tập. Cung cấp cho sinh viên các hoạt động học tập đa dạng, tích hợp nhiều công cụ đánh giá sinh viên trên nền tảng công nghệ. | 15% |
| Học cá nhân (Tự học/nghiên cứu trước tài liệu ở nhà, làm bài tập cá nhân | Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, nâng cao năng lực học tập suốt đời. | 15% |
| Học nhóm (Thảo luận nhóm, làm bài tập nhóm) | <p>Rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm, hợp tác.</p> <p>Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào vấn đề thực tế.</p> | 15% |
| Học lý thuyết | Cung cấp cho sinh viên nền tảng kiến thức cơ bản, hiểu được cái khái niệm từ đó nắm được bản chất sự vật/hiện tượng để vận dụng trong giải quyết các vấn đề thực tế. | 15% |
| Học theo dự án | Giúp sinh viên có cơ hội vận dụng lý thuyết với | 5% |

| | | |
|---|--|----|
| | thực tế, rèn luyện kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề thực tiễn; phát triển năng lực sáng tạo, phối hợp làm việc, tự đánh giá. | |
| Kiến tập, đi thực tập, thực tế, thực hành | Giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học vào công việc cụ thể, tiếp cận môi trường làm việc thực tế tại các đơn vị. Qua đó sinh viên có thể so sánh, đánh giá giữa lý thuyết và thực tiễn. | 5% |

4. Phương pháp đánh giá

4.1. Đánh giá học phần

Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm:

- Điểm kiểm tra - đánh giá thường xuyên: có trọng số không lớn hơn 20% tổng điểm môn học.
- Điểm kiểm tra - đánh giá định kỳ: có trọng số không ít hơn 20% tổng điểm môn học.
- Điểm thi kết thúc học phần: có trọng số không ít hơn 60% tổng điểm của môn học. Bài thi kết thúc học phần có thể được thực hiện bằng các hình thức: viết (tự luận hoặc trắc nghiệm), vấn đáp, tiểu luận, hoặc kết hợp các hình thức đó.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận do giảng viên phụ trách học phần xác định, được Trưởng Khoa phê duyệt và quy định trong đề cương môn học.

Điểm học phần là điểm trung bình tính theo hệ số của các điểm đánh giá bộ phận, được làm tròn đến một chữ số thập phân.

4.2. Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ, năm học, khóa học qua các tiêu chí sau:

- Khối lượng kiến thức học tập: là tổng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ.

- Khối lượng kiến thức tích lũy: là tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá loại đạt tính từ đầu khóa học.

- Điểm trung bình chung học kỳ: là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó (bao gồm cả các học phần được đánh giá loại đạt và không đạt).

- Điểm trung bình chung tích lũy: là điểm trung bình theo trọng số tín chỉ của các học phần đã được đánh giá loại đạt mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm xem xét.

4.3. Thang điểm

Sinh viên được đánh giá theo thang điểm 10 (0-10), sau đó chuyển thành điểm chữ (A, B, C, D, F) và điểm số thang 4 (0-4) theo quy định đào tạo do Học viện xây dựng dựa trên Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **120** tín chỉ (không bao gồm số tín chỉ các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh)

Khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo: **120** tín chỉ

| Số thứ tự | Nội dung | Số tín chỉ (TC) |
|-----------|--|-----------------|
| 1 | Khối kiến thức giáo dục đại cương | 15 |
| 2 | Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp | 58 |
| | - Kiến thức cơ sở khối ngành | 6 |
| | - Kiến thức cơ sở ngành | 26 |
| | - Kiến thức bổ trợ | 14 |
| | - Kiến thức chuyên ngành tự chọn | 12 |
| 3 | Kiến thức ngoại ngữ | 24 |
| 4 | Học phần kỹ năng | 8 |

| | | |
|---|------------------------|----|
| 5 | Kiến thức hướng nghiệp | 5 |
| 6 | Kiến thức tốt nghiệp | 10 |

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Khối kiến thức giáo dục đại cương 15 tín chỉ*

| Số thứ tự | Tên học phần | Mã học phần | Số tín chỉ | Ngôn ngữ giảng dạy |
|-----------|---------------------------------|-------------|------------|--------------------|
| 1 | Triết học Mác - Lê nin | FC.001.03 | 03 | Tiếng Việt |
| 2 | Kinh tế chính trị Mác - Lê nin | FC.002.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 3 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | FC.003.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 4 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | FC.004.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 5 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | FC.005.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 6 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | IL.001.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 7 | Tin học | IT.001.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 8 | Giáo dục thể chất | AAD.001.03 | 03 | Tiếng Việt |
| 9 | Giáo dục quốc phòng | AAD.002.08 | 08 | Tiếng Việt |

(* không bao gồm số TC học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 58 tín chỉ

| Số thứ tự | Tên học phần | Mã học phần | Số tín chỉ | Ngôn ngữ giảng dạy |
|---|---|-------------|------------|--------------------|
| Kiến thức cơ sở khối ngành | | | | 06 TC |
| 1 | Lý luận về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam | IL.002.03 | 03 | Tiếng Việt |
| 2 | Luật Hiến pháp Việt Nam và các nước | IL.003.03 | 03 | Tiếng Việt |
| Kiến thức cơ sở ngành | | | | |
| <i>Sinh viên phải hoàn thành 26 tín chỉ kiến thức cơ sở ngành bao gồm 20 tín chỉ bắt buộc và 06 tín chỉ tự chọn (tương đương 03 học phần)</i> | | | | 26 TC |
| Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc (thuộc khối kiến thức cơ sở ngành) | | | | 20 TC |
| 1 | Công pháp quốc tế | IL.004.03 | 03 | Tiếng Việt |

| | | | | |
|---|--|-----------|--------------|------------|
| 2 | Tư pháp quốc tế | IL.005.03 | 03 | Tiếng Việt |
| 3 | Luật học so sánh | IL.006.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 4 | Luật kinh tế quốc tế | IL.007.03 | 03 | Tiếng Việt |
| 5 | Luật dân sự Việt Nam | IL.008.03 | 03 | Tiếng Việt |
| 6 | Luật tố tụng dân sự Việt Nam | IL.009.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 7 | Luật hình sự Việt Nam | IL.010.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 8 | Luật thương mại Việt Nam | IL.011.02 | 02 | Tiếng Việt |
| Kiến thức cơ sở ngành tự chọn (thuộc khối kiến thức cơ sở ngành) | | | 06 TC | |
| 1 | Luật hợp đồng Việt Nam | IL.012.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 2 | Luật doanh nghiệp Việt Nam | IL.013.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 3 | Luật đầu tư Việt Nam | IL.014.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 4 | Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam | IL.015.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 5 | Luật lao động Việt Nam | IL.016.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 6 | Luật hành chính Việt Nam | IL.017.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 7 | Luật thuế, tài chính và ngân hàng Việt Nam | IL.018.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 8 | Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam | IL.019.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 9 | Luật đất đai và môi trường Việt Nam | IL.020.02 | 02 | Tiếng Việt |
| Kiến thức bổ trợ | | | 14 TC | |
| 1 | Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại | IR.005.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 2 | Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay | IR.007.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 3 | Công tác ngoại giao | IR.025.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 4 | Truyền thông quốc tế | IC.009.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 5 | Ngoại giao văn hóa | IC.010.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 6 | Quan hệ kinh tế quốc tế | IE.006.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 7 | Kinh tế đối ngoại Việt Nam | IE.007.02 | 02 | Tiếng Việt |
| Kiến thức chuyên ngành tự chọn | | | 12 TC | |
| <p><i>Sinh viên cần lựa chọn các học phần thuộc hai chuyên ngành để hoàn thành 12 tín chỉ trong các chuyên ngành dưới đây. Có vấn đề tập và giảng viên chủ nhiệm của Khoa sẽ hướng dẫn sinh viên lựa chọn các chuyên ngành và học phần phù hợp.</i></p> <p><i>Các học phần tự chọn có thể được điều chỉnh và bổ sung trên cơ sở nhu</i></p> | | | | |

cầu của sinh viên, xã hội và tình hình nhân sự thực tế của Khoa.

| <i>Chuyên ngành Công pháp quốc tế</i> | | | | |
|---|-------------------------------|-----------|----|------------|
| 1 | Luật điều ước quốc tế | IL.021.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 2 | Luật nhân quyền quốc tế | IL.022.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 3 | Luật tổ chức quốc tế | IL.023.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 4 | Luật biển quốc tế | IL.024.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 5 | Luật môi trường quốc tế | IL.025.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 6 | Giải quyết tranh chấp quốc tế | IL.026.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 7 | Luật ngoại giao và lãnh sự | IL.027.02 | 02 | Tiếng Việt |
| <i>Chuyên ngành Luật kinh tế quốc tế</i> | | | | |
| 1 | Luật đầu tư quốc tế | IL.028.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 2 | Luật thương mại quốc tế | IL.029.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 3 | Luật sở hữu trí tuệ quốc tế | IL.030.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 4 | Trọng tài thương mại quốc tế | IL.031.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 5 | Luật kinh doanh quốc tế | IL.032.02 | 02 | Tiếng Việt |

3. Kiến thức ngoại ngữ

24 tín chỉ

| Số thứ tự | Tên học phần | Mã học phần | Số tín chỉ | Ngôn ngữ giảng dạy |
|-----------|---------------------------------------|-------------|------------|--------------------|
| 1 | Tiếng Anh cơ sở I | E.006.04 | 04 | Tiếng Anh |
| 2 | Tiếng Anh cơ sở II | E.007.04 | 04 | Tiếng Anh |
| 3 | Tiếng Anh chuyên ngành ngoại giao I | E.018.03 | 03 | Tiếng Anh |
| 4 | Tiếng Anh chuyên ngành ngoại giao II | E.019.03 | 03 | Tiếng Anh |
| 5 | Tiếng Anh chuyên ngành ngoại giao III | E.020.03 | 03 | Tiếng Anh |
| 6 | Tiếng Anh chuyên ngành ngoại giao IV | E.021.03 | 03 | Tiếng Anh |
| 7 | Tiếng Anh chuyên ngành ngoại giao V | E.022.04 | 04 | Tiếng Anh |

4. Học phần kỹ năng

08 tín chỉ

| Số thứ tự | Tên học phần | Mã học phần | Số tín chỉ | Ngôn ngữ giảng dạy |
|-----------|--|-------------|------------|--------------------|
| 1 | Kỹ năng tranh tụng và thực hành diễn án luật | IL.033.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 2 | Kỹ thuật soạn thảo văn bản | IR.024.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 3 | Kỹ năng hành nghề luật sư | IL.035.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 4 | Kỹ năng đàm phán và ký kết điều ước quốc tế | IL.036.02 | 02 | Tiếng Việt |

5. Kiến thức hướng nghiệp**05 tín chỉ**

| Sđt | Tên học phần | Mã học phần | Số tín chỉ | Ngôn ngữ giảng dạy |
|-----|--------------------|-------------|------------|--------------------|
| 1 | Hướng nghiệp | AAD.037.02 | 02 | Tiếng Việt |
| 2 | Thực tập cuối khóa | IL.038.03 | 03 | Tiếng Việt |

6. Kiến thức tốt nghiệp**10 tín chỉ**

| Sđt | Tên học phần | Mã học phần | Số tín chỉ | Ngôn ngữ giảng dạy |
|-----|---|-------------|------------|-------------------------|
| 1 | - Khóa luận tốt nghiệp - Hoặc học và thi một số học phần chuyên môn* | IL.039.10 | 10 | Tiếng Việt Tiếng Anh |

* Sinh viên lựa chọn môn học trong số những môn học thuộc khối Kiến thức chuyên ngành tự chọn mà trước đó chưa học

7. Ma trận sự đóng góp của mỗi học phần vào việc đạt được Chuẩn đầu ra

| STT | Môn học | Chuẩn đầu ra | | | | | | | | | | NLTC1 | NLTC2 |
|-----|---|--------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|-------|-------|
| | | KT 1 | KT 2 | KT 3 | KT 4 | KT 5 | KN 1 | KN 2 | KN 3 | KN 4 | KN 5 | KN 6 | |
| 1. | Triết học Mác - Lê nin | 3 | | | | | | | 3 | | | 4 | 4 |
| 2. | Kinh tế chính trị Mác - Lê nin | 3 | | | | | | | 3 | | | 4 | 4 |
| 3. | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 3 | | | | | | | 3 | | | 4 | 4 |
| 4. | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 3 | | | | | | | 3 | | | 4 | 4 |
| 5. | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 3 | | | | | | | 3 | | | 4 | 4 |
| 6. | Phương pháp nghiên cứu khoa học | | | | | | | | 3 | | | 4 | 4 |
| 7. | Tin học | | | | | | | | | 4 | | 4 | 4 |
| 8. | Giáo dục thể chất | | | | | 3 | | | | | | | 4 |
| 9. | Giáo dục quốc phòng | | | | | 3 | | | | | | | 4 |
| 10. | Lý luận về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam | | 3 | | | | 3 | | 3 | | | 4 | 4 |
| 11. | Luật Hiến pháp Việt Nam và các nước | | 3 | | | | 3 | | 3 | | | 4 | 4 |
| 12. | Công pháp quốc tế | | | 4 | | | | 3 | | 3 | | | 4 |
| 13. | Tư pháp quốc tế | | | 4 | | | | 3 | | 3 | | | 4 |
| 14. | Luật học so sánh | | | 3 | | | | 3 | | 3 | | | 4 |
| 15. | Luật kinh tế quốc tế | | | 3 | | | | 3 | | 3 | | | 4 |
| 16. | Luật dân sự Việt Nam | | | 4 | | | | 3 | | 3 | | | 4 |
| 17. | Luật hình sự Việt Nam | | | 4 | | | | 3 | | | | | 4 |
| 18. | Luật thương mại Việt Nam | | 4 | | | | | 3 | | | | | 4 |
| 19. | Luật điều ước quốc tế | | | | 4 | | | | | 4 | | | 4 |
| 20. | Luật nhân quyền quốc tế | | | | | 3 | | | 3 | | | | 4 |
| 21. | Luật tổ chức quốc tế | | | | | 3 | | | 3 | | | | 4 |

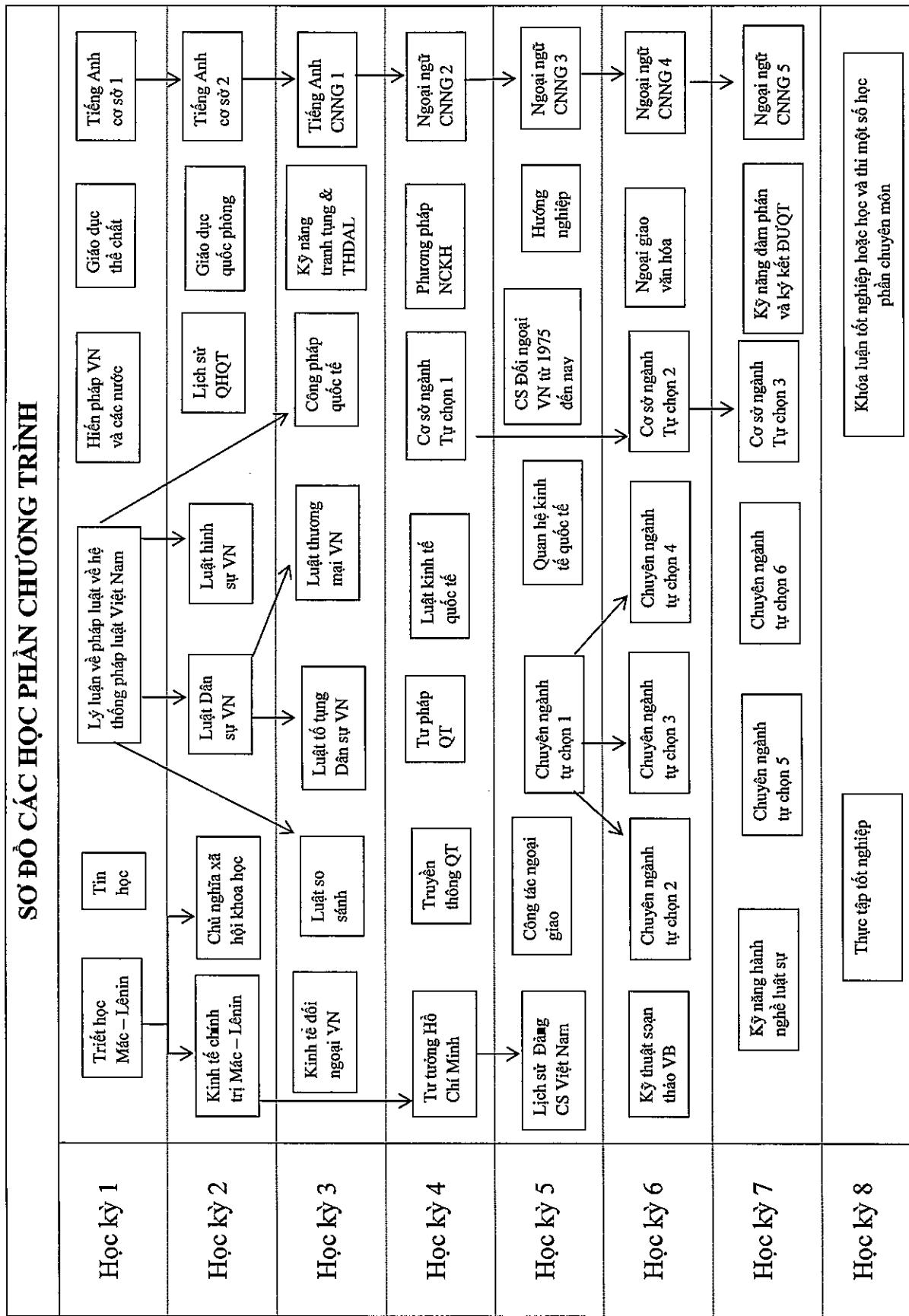
IV. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY DỰ KIẾN

| Số thứ tự | Tên học phần | Số tín chỉ |
|-----------------|---|------------|
| HỌC KỲ 1 | | 15 |
| 1 | Triết học Mác - Lê nin | 3 |
| 2 | Lý luận về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam | 3 |
| 3 | Luật Hiến pháp Việt Nam và các nước | 3 |
| 4 | Tiếng Anh cơ sở 1 | 4 |
| 5 | Tin học | 2 |
| 6 | <i>Giáo dục thể chất</i> | 3 |
| HỌC KỲ 2 | | 15 |
| 1 | Tiếng Anh cơ sở 2 | 4 |
| 2 | Kinh tế chính trị Mác - Lê nin | 2 |
| 3 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 |
| 4 | Luật hình sự Việt Nam | 2 |
| 5 | Luật dân sự Việt Nam | 3 |
| 6 | Lịch sử quan hệ quốc tế hiện đại | 2 |
| 7 | <i>Giáo dục quốc phòng</i> | 8 |
| HỌC KỲ 3 | | 16 |
| 1 | Tiếng Anh chuyên ngành ngoại giao I | 3 |
| 2 | Kinh tế đối ngoại Việt Nam | 2 |
| 3 | Công pháp quốc tế | 3 |
| 4 | Luật thương mại Việt Nam | 2 |
| 5 | Luật so sánh | 2 |
| 6 | Luật tố tụng dân sự Việt Nam | 2 |
| 7 | Kỹ năng tranh tụng và thực hành diễn án luật | 2 |
| HỌC KỲ 4 | | 17 |

| | | |
|-----------------|--|-----------|
| 1 | Tiếng Anh chuyên ngành ngoại giao II | 3 |
| 2 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 2 |
| 3 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | 2 |
| 4 | Tư pháp quốc tế | 3 |
| 5 | Một môn thuộc kiến thức cơ sở ngành tự chọn I | 2 |
| 6 | Luật kinh tế quốc tế | 3 |
| 7 | Truyền thông quốc tế | 2 |
| HỌC KỲ 5 | | 15 |
| 1 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2 |
| 2 | Chính sách đối ngoại Việt Nam từ 1975 đến nay | 2 |
| 3 | Một môn thuộc kiến thức chuyên ngành tự chọn I | 2 |
| 4 | Tiếng Anh chuyên ngành ngoại giao III | 3 |
| 5 | Công tác ngoại giao | 2 |
| 6 | Quan hệ kinh tế quốc tế | 2 |
| 7 | Hướng nghiệp | 2 |
| HỌC KỲ 6 | | 15 |
| 1 | Một môn thuộc kiến thức chuyên ngành tự chọn II | 2 |
| 2 | Một môn thuộc kiến thức chuyên ngành tự chọn III | 2 |
| 3 | Một môn thuộc kiến thức chuyên ngành tự chọn IV | 2 |
| 4 | Một môn thuộc kiến thức cơ sở ngành tự chọn II | 2 |
| 5 | Ngoại giao văn hóa | 2 |
| 6 | Tiếng Anh chuyên ngành ngoại giao IV | 3 |
| 7 | Kỹ thuật soạn thảo văn bản | 2 |
| HỌC KỲ 7 | | 14 |
| 1 | Tiếng Anh chuyên ngành ngoại giao V | 4 |
| 2 | Một môn thuộc kiến thức chuyên ngành tự chọn V | 2 |

| | | |
|-----------------|--|-----------|
| 3 | Một môn thuộc kiến thức chuyên ngành tự chọn VI | 2 |
| 4 | Một môn thuộc kiến thức cơ sở ngành tự chọn III | 2 |
| 5 | Kỹ năng hành nghề luật sư | 2 |
| 6 | Kỹ năng đàm phán và ký kết điều ước quốc tế | 2 |
| HỌC KỲ 8 | | 13 |
| 1 | Thực tập cuối khóa | 3 |
| 2 | Khóa luận tốt nghiệp hoặc học và thi một số học phần chuyên môn | 10 |

SƠ ĐỒ CÁC HỌC PHẦN CHƯƠNG TRÌNH



V. MÔ TẢ CÁC HỌC PHẦN

1. TRIẾT HỌC MÁC - LÊNIN

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần này giới thiệu một cách có hệ thống những quan điểm triết học cơ bản của C. Mác, Ph. Ăngghen và V. I. Lênin với tư cách là hệ thống những quan điểm duy vật biện chứng về tự nhiên, xã hội và tư duy. Triết học Mác - Lênin là thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các lực lượng tiến bộ xã hội trong nhận thức và cải tạo xã hội. Triết học Mác - Lênin là học phần đầu tiên, là điều kiện tiên quyết cho các học phần khoa học lý luận Mác - Lênin trong chương trình đại học, cao đẳng.

Sau khi kết thúc học phần, người học có thể vận dụng phương pháp luận vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn; từng bước xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng, từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận khoa học để từ đó tiếp cận các khoa học chuyên ngành.

2. KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác - Lênin

Học phần này giới thiệu một cách có hệ thống những quan điểm cơ bản của C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I.Lênin về kinh tế - chính trị học: lý luận về sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tự do cạnh tranh tư bản chủ nghĩa, về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, cơ sở lý luận cơ bản của các mối quan hệ kinh tế trong nền kinh tế thị trường và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Sau khi kết thúc học phần, trên cơ sở hiểu được các nội dung, quan điểm kinh tế chính trị Mác - Lênin, người học vận dụng được vào hoạt động kinh tế - xã hội; củng cố thế giới quan khoa học, hình thành phương pháp luận khoa học từ đó tiếp cận các khoa học chuyên ngành như kinh tế học, kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô.

3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Triết học Mác - Lênin**

Học phần này giới thiệu một cách có hệ thống những quan điểm cơ bản của C.Mác, Ph.Ăngghen và V. I. Lênin về việc xây dựng một chế độ xã hội mới để thay thế cho các xã hội còn tồn tại tình trạng bất bình đẳng giai cấp. Học phần này nghiên cứu các quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội để luận giải cho tính tất yếu ra đời của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa và cách thức, con đường để định hướng cho Giai cấp công nhân và nhân dân lao động xây dựng thành công chế độ xã hội đó.

Sau khi kết thúc học phần, trên cơ sở hiểu được các nội dung, quan điểm cơ bản về chủ nghĩa xã hội, người học vận dụng được vào hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn; từng bước xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

4. TƯ TUỞNG HỒ CHÍ MINH

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học**

Học phần này giới thiệu có hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân đến cách mạng XHCN. Đó là các quan điểm về vấn đề dân tộc, cách mạng giải phóng dân tộc; về đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng Cộng sản Việt Nam, về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đạo đức, văn hóa và xây dựng con người mới; về vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện Việt Nam; về kết tinh tinh hoa văn hóa dân tộc và trí tuệ thời đại nhằm giải phóng dân tộc, giai cấp và giải phóng con người.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận Hồ Chí Minh để xem xét, luận giải đường lối chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam; vận dụng thế giới quan và phương pháp luận Hồ Chí Minh vào thực tiễn sự nghiệp đổi mới hiện nay; thực hành theo tư tưởng và tấm

gương đạo đức Hồ Chí Minh.

5. LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Triết học Mác - Lê nin, Kinh tế chính trị Mác - Lê nin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn Lịch sử Đảng CSVN/Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự ra đời của Đảng, đường lối đấu tranh giành chính quyền 1930 - 1945, đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp, kháng chiến chống đế quốc Mỹ và đường lối thời kì đổi mới: đường lối công nghiệp hoá, đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đường lối xây dựng hệ thống chính trị, đường lối văn hoá và giải quyết các vấn đề xã hội và đường lối đối ngoại.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam; nắm được đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng qua các thời kỳ lãnh đạo cách mạng Việt Nam; nhận diện được những cơ sở để Đảng hoạch định đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng; vận dụng đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng vào công tác chuyên môn và trong cuộc sống; tin tưởng, góp phần tuyên truyền đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng trong nhân dân.

6. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng khi nghiên cứu một đề tài khoa học nói chung và khoa học pháp lý nói riêng. Cụ thể học phần sẽ chỉ ra cách thức xác định mục tiêu, câu hỏi nghiên cứu; các phương pháp nghiên cứu; cũng như phương pháp xây dựng lập luận pháp lý; kỹ năng viết pháp lý (academic and professional writing). Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp những kiến thức cơ bản về cách trình bày một bài nghiên cứu khoa học nói chung, cách thức trích dẫn thông tin và tài liệu tham khảo trong nghiên cứu

khoa học; và vấn đề đạo văn (khái niệm đạo văn và cách thức xử lý các bài nghiên cứu đạo văn).

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể hiểu được bản chất của nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học; hiểu được cách tiến hành nghiên cứu và trình bày một đề tài khoa học; nắm được các nguyên tắc cơ bản của nhận thức luận khoa học và các quy luật tư duy để có thể vận dụng vào công tác nghiên cứu khoa học của bản thân.

7. LÝ LUẬN VỀ PHÁP LUẬT VÀ HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về pháp luật và một số ngành luật quan trọng của Việt Nam. Cụ thể, học phần chia làm hai nhóm kiến thức: Nhóm kiến thức thứ nhất cung cấp cho sinh viên một số khái niệm, thuật ngữ pháp lý cơ bản như pháp luật, nguồn của pháp luật (văn bản quy phạm pháp luật, tiền lệ pháp, tập quán pháp), xây dựng pháp luật, giải thích và áp dụng pháp luật. Nhóm kiến thức thứ hai cung cấp các kiến thức chung về ba ngành luật quan trọng trong pháp luật Việt Nam (luật hiến pháp, pháp luật dân sự, pháp luật hình sự) như nguồn của từng ngành luật, đối tượng điều chỉnh, các nội dung/chế định cơ bản của từng ngành luật.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng hiểu được các khái niệm cơ bản về “pháp luật”, mối quan hệ giữa pháp luật và các quy phạm xã hội khác như đạo đức, hay các điều lệ của các tổ chức, đoàn thể; có kiến thức khái quát về toàn bộ hệ thống pháp luật Việt Nam, bao gồm vị trí, hiệu lực pháp lý của các bộ phận cấu thành (các nguồn), đối tượng, phạm vi điều chỉnh của các ngành luật thực định và mối quan hệ của hệ thống pháp luật Việt Nam với luật pháp quốc tế.

8. LUẬT HIẾN PHÁP VIỆT NAM VÀ CÁC NƯỚC

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về luật hiến pháp của các hình thức nhà nước cơ bản trên thế giới như Cộng hòa đại

nghị, Cộng hòa Tổng thống, Cộng hòa lưỡng tính, Quân chủ lập hiến, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa. Sinh viên sẽ được tìm hiểu cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước và hoạt động của các quốc gia như: Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Mỹ và Hiến pháp Việt Nam. Từ đó, sinh viên có khả năng tổng hợp và so sánh với các quy định của Luật Hiến pháp Việt Nam.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có hiểu biết tổng quan về hiến pháp và luật hiến pháp, phân loại hiến pháp và giám sát, thi hành, bảo vệ hiến pháp; cơ cấu lãnh thổ và chế độ chính trị; hình thức chính thể; vai trò của Đảng phái và chế độ bầu cử; nguyên thủ quốc gia, cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp, cơ quan tư pháp; cũng như hiểu được lịch sử lập hiến Việt Nam; các chế định quan trọng của hiến pháp Việt Nam.

9. CÔNG PHÁP QUỐC TẾ

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: **Lý luận về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam**

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về khung pháp lý quốc tế và kiến thức cơ bản về một số lĩnh vực pháp luật quốc tế như luật điều ước quốc tế, thẩm quyền quốc gia, miễn trừ quốc gia, trách nhiệm quốc gia, luật biển quốc tế, luật quốc tế về biên giới lãnh thổ, luật tổ chức quốc tế, luật nhân quyền quốc tế, dân cư, quốc tịch, và giải quyết tranh chấp quốc tế.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có hiểu biết cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển, các đặc điểm chính, chủ thể và nguồn của công pháp quốc tế, cũng như một số lĩnh vực pháp luật quốc tế quan trọng.

10. TƯ PHÁP QUỐC TẾ

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: **Luật tố tụng dân sự Việt Nam**

Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về xung đột pháp luật và giải quyết xung đột pháp luật trong quan hệ dân sự (theo nghĩa rộng) có yếu tố nước ngoài. Bên cạnh đó học phần còn mang đến cho sinh viên hệ thống kiến thức về giải quyết tranh chấp dân sự quốc tế. Học phần gồm ba nội dung chính: (i) xung đột pháp luật, (ii) xung đột thẩm quyền và (iii) công nhận và cho thi

hành bản án, quyết định tư pháp nước ngoài. Các nội dung trên mang tính chất giới thiệu chung về tư pháp quốc tế như khái niệm, các hệ thuộc cơ bản trong tư pháp quốc tế, các loại quy phạm xung đột pháp luật; và những nội dung cụ thể trong từng quan hệ dân sự theo nghĩa rộng có yếu tố nước ngoài như quyền sở hữu, thừa kế, hôn nhân và gia đình, quyền sở hữu trí tuệ, hợp đồng...

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về xung đột luật và xung đột thẩm quyền tài phán; hiểu được cách công nhận và thi hành các phán quyết, quyết định nước ngoài, cũng hiểu nắm được cách thức giải quyết trong trường hợp các mối quan hệ tư pháp có yếu tố nước ngoài.

11. LUẬT HỌC SO SÁNH

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Lý luận về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam

Học phần này giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về Luật so sánh như khái niệm, sự ra đời và vai trò của luật học so sánh. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được tìm hiểu rõ hơn về các hệ thống pháp luật lớn trên thế giới bao gồm Thông luật, Dân luật... cũng như được trang bị những kỹ năng cần thiết trong việc so sánh luật và tiến hành so sánh một số ngành luật cụ thể trong hệ thống pháp luật của các quốc gia khác nhau trên thế giới như luật hợp đồng, luật công ty... Trên cơ sở đó, học phần cung cấp những liên hệ với hệ thống pháp luật Việt Nam.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng hiểu được đối tượng nghiên cứu của học phần và nắm bắt được sự hình thành và xu thế phát triển của Khoa học Luật so sánh, nắm được sự khác nhau giữa các hệ thống pháp luật lớn trên thế giới và quá trình hình thành, phát triển và các đặc trưng cơ bản của chúng, cũng như hiểu được sự áp dụng những đặc trưng của các hệ thống luật đó vào hệ thống pháp luật của từng quốc gia.

12. LUẬT KINH TẾ QUỐC TẾ

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: Công pháp quốc tế, Lý luận về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam

Học phần này cung cấp khái niệm chung về Luật kinh tế quốc tế, cụ thể là: chủ thể, đối tượng điều chỉnh, nguồn, các nguyên tắc cơ bản, đặc điểm chính của Luật kinh tế quốc tế. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức liên quan tới khuôn khổ pháp lý và thể chế điều chỉnh các quan hệ thương mại, đầu tư, tài chính, chuyển giao công nghệ, giải quyết tranh chấp giữa các chủ thể của Luật kinh tế quốc tế.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được hệ thống các văn bản pháp lý điều chỉnh sự vận hành của các thể chế, hiểu được các nguyên tắc cơ bản và phương thức giải quyết tranh chấp trong các hệ kinh tế.

13. LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM

Số tín chỉ: **03**

Điều kiện tiên quyết: Lý luận về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật dân sự, đặc điểm, nguyên tắc của quan hệ pháp luật dân sự; về chủ thể, khách thể, các căn cứ phát sinh và nội dung của các quan hệ tài sản và nhân thân; nghĩa vụ dân sự; căn cứ xác lập, chấm dứt, thực hiện nghĩa vụ dân sự và trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ dân sự; các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự; quy định chung về hợp đồng; xác định khái niệm, đặc điểm, chủ thể, đối tượng thừa kế, nội dung của các loại hợp đồng thông dụng.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có kiến thức chung về khái niệm, nguyên tắc pháp luật dân sự Việt Nam; nắm vững các chế định, quy định pháp luật dân sự; cũng như có kiến thức thực tiễn về việc áp dụng các quy định pháp luật dân sự.

14. LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: Lý luận về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam

Học phần này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về luật hình sự thông qua việc tìm hiểu khái niệm và các nguyên tắc của luật hình sự Việt Nam; nguồn của luật hình sự Việt Nam; cấu thành của tội phạm; các giai đoạn

thực hiện tội phạm; đồng phạm; các tình tiết loại trừ tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi; khái niệm trách nhiệm hình sự và các vấn đề pháp lý liên quan đến trách nhiệm hình sự và hình phạt.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể hiểu được hệ thống các văn bản pháp lý trong và ngoài nước về Luật hình sự; tích lũy được các kiến thức cơ bản để xác định tội phạm, hình phạt và các vấn đề liên quan đến tội phạm, hình phạt trong luật hình sự.

15. LUẬT THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Lý luận về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam, Luật dân sự Việt Nam**

Học phần này bao gồm những vấn đề cơ bản về thương nhân và hoạt động thương mại; khái niệm, đặc điểm và bản chất pháp lý của các loại hình doanh nghiệp (doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh, công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần); vấn đề thành lập doanh nghiệp và phá sản; mua bán hàng hóa và các hoạt động thương mại khác và giải quyết tranh chấp thương mại.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có những hiểu biết toàn diện về thương nhân và hành vi thương mại. Nắm được các đặc điểm pháp lý của các loại thương nhân, bao gồm: công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh, nhóm công ty và hợp tác xã; nắm được đặc trưng pháp lý của các hoạt động mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thương mại, trung gian thương mại, xúc tiến thương mại, đấu thầu, đấu giá, dịch vụ logistic và một số hoạt động thương mại khác; nắm được bản chất của trọng tài thương mại, các hình thức trọng tài và nguyên tắc cơ bản của tố tụng trọng tài cũng như ưu điểm và hạn chế của thủ tục tố tụng này.

16. LUẬT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Công pháp quốc tế**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu kết hợp với thực tiễn về các điều ước quốc tế. Cụ thể, sinh viên sẽ có khả năng nhận biết và phân biệt điều ước quốc tế, nắm rõ được quá trình hình thành, trình tự, thủ tục ký kết điều ước quốc tế, bản chất hiệu lực của điều ước quốc tế, những vấn đề pháp lý về bảo lưu điều ước quốc tế, ý nghĩa thực tiễn điều ước quốc tế thông qua việc nghiên cứu các vụ việc thực tiễn, các phán quyết của tòa án quốc tế và tham gia vào các phiên tòa giả định. Học phần cũng cung cấp kiến thức về các quy định của pháp luật Việt Nam về điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế: định nghĩa, cơ quan có thẩm quyền ký kết, mối quan hệ với pháp luật Việt Nam.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ có khả năng hiểu được quá trình đàm phán, ký kết, gia nhập một điều ước quốc tế; cách thức thi hành và giải thích một điều ước quốc tế; cũng như có khả năng phân tích, giải thích và đánh giá những thách thức đặt ra cho việc thực hiện các điều ước quốc tế ở Việt Nam.

17. LUẬT NHÂN QUYỀN QUỐC TẾ

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Công pháp quốc tế**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quyền con người cũng như pháp luật quốc tế về quyền con người. Học phần đồng thời giúp cung cấp kiến thức về nghĩa vụ của các quốc gia trong quá trình thực hiện, bảo vệ và thúc đẩy quyền con người và các cơ chế giám sát thực hiện; giúp sinh viên nắm bắt và liên hệ với thực tiễn thực hiện nghĩa vụ trong các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam là thành viên. Học phần gồm các vấn đề chính sau: khái niệm, đặc điểm quyền con người và luật quốc tế về quyền con người; quyền con người cơ bản trong luật quốc tế (các quyền dân sự, chính trị, văn hóa, kinh tế, xã hội) và các điều ước quốc tế có liên quan; nghĩa vụ bảo vệ, thúc đẩy quyền con người của quốc gia; các cơ chế giám sát thực hiện quốc tế, khu vực và quốc gia; Việt Nam và việc thực hiện nghĩa vụ thành viên theo các điều ước quốc tế về quyền con người.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ có kiến thức về khuôn khổ pháp lý và thể chế quốc tế về bảo vệ các quyền con người; đánh giá tính hiệu quả của

các cơ chế thực hiện hoặc thi hành nhân quyền khác nhau; phân tích, giải thích và đánh giá những thách thức đặt ra cho việc thực hiện các quyền con người quốc tế.

18. LUẬT TỔ CHỨC QUỐC TẾ

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Công pháp quốc tế

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các khía cạnh pháp lý và thể chế của các tổ chức quốc tế liên chính phủ nói chung. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được tìm hiểu kỹ những vấn đề pháp lý và thực tiễn về tư cách và quyền năng chủ thể, cơ cấu hệ thống các cơ quan, quy chế thành viên, chức năng, quyền hạn và thủ tục hoạt động của các tổ chức quốc tế toàn cầu và khu vực như WTO, ASEAN, đặc biệt là Liên hợp quốc.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có hiểu biết cơ bản về cấu trúc Hiến chương Liên hợp quốc và hệ thống các văn bản pháp lý của Liên hợp quốc; mục đích và nguyên tắc hoạt động của tổ chức Liên hợp quốc; các quy định về quy chế thành viên, thủ tục bỏ phiếu, chức năng và thẩm quyền của các cơ quan chính của Liên hợp quốc và một số tổ chức quốc tế khác; các vấn đề thực tiễn của Liên hợp quốc và và một số tổ chức quốc tế khác.

19. LUẬT BIỂN QUỐC TẾ

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Công pháp quốc tế

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách xác định và quy chế pháp lý của các vùng biển, đồng thời cung cấp kiến thức về vấn đề phân định biển giữa các quốc gia có bờ biển đối diện hoặc tiếp liền. Ngoài ra, học phần giúp sinh viên nắm bắt được cơ chế giải quyết tranh chấp theo quy định của Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 và thực tiễn giải quyết tranh chấp trên biển giữa Việt Nam với các nước trong khu vực thông qua những phiên tòa giả định mà sinh viên sẽ tham gia với vai trò là các bên trong tranh chấp. Học phần gồm các nhóm vấn đề chính sau: các vấn đề lý luận chung về luật biển quốc tế; xác định đường cơ sở trong luật biển quốc tế; các vùng biển trong luật biển quốc tế; vấn

dè phân định biển; cơ chế giải quyết tranh chấp theo quy định của Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ có kiến thức về quy chế pháp lý của các vùng biển theo luật biển quốc tế; cũng như nắm vững kiến thức về cơ chế giải quyết tranh chấp biển và thực tiễn giải quyết tranh chấp; và có kiến thức vững chắc về khía cạnh pháp lý của tranh chấp Biển Đông.

20. LUẬT MÔI TRƯỜNG QUỐC TẾ

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Công pháp quốc tế**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về các khía cạnh xã hội của môi trường, như nghiên cứu các quan hệ xã hội phát sinh giữa các chủ thể tham gia sử dụng, khai thác các yếu tố khác nhau của môi trường. Đồng thời học phần này cũng cung cấp cho sinh viên những quy phạm pháp lý quốc tế về môi trường, các nguyên tắc pháp lý về bảo vệ môi trường và giải quyết tranh chấp phát sinh.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ có kiến thức về các lĩnh vực then chốt của pháp luật môi trường quốc tế, bao gồm các nguyên tắc, quy định cơ bản ở phạm vi đa phương, song phương và khu vực; phân tích, giải thích và đánh giá tính hiệu quả của các quy định pháp lý trong lĩnh vực luật môi trường quốc tế; tham gia thảo luận về tác động của pháp luật môi trường quốc tế; cũng như có kiến thức về các cơ chế đảm bảo thực thi và giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực luật môi trường quốc tế.

21. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP QUỐC TẾ

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Công pháp quốc tế**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về tranh chấp quốc tế cũng như các cách thức giải quyết hòa bình tranh chấp quốc tế. Ngoài ra học phần sẽ giới thiệu tới sinh viên những thể chế giải quyết tranh chấp quốc tế có vai trò nổi bật như: Toà án Công lý Quốc tế, Toà án Luật biển Quốc tế, Toà Trọng tài Thường trực, Cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO...

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ có khả năng hiểu được các biện pháp giải quyết tranh chấp tồn tại trên thế giới; hiểu được cơ chế hoạt động nói chung và giải quyết tranh chấp nói riêng của các Toà án và Trọng tài quốc tế.

22. LUẬT NGOẠI GIAO VÀ LÃNH SỰ

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: Công pháp quốc tế

Học phần này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về đặc điểm, nội dung của Luật ngoại giao lãnh sự, hệ thống các cơ quan đối ngoại; vai trò của Luật ngoại giao lãnh sự trong hệ thống pháp luật quốc tế; chức năng, thành viên của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự; bản chất, cơ sở và nội dung của các quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao, lãnh sự.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ có kiến thức về các lĩnh vực then chốt của pháp luật ngoại giao - lãnh sự, bao gồm các hiệp định đầu tư đa phương, song phương, và khu vực; có khả năng phân tích, giải thích và đánh giá tính hiệu quả của các quy định pháp lý; tham gia thảo luận về việc áp dụng pháp luật ngoại giao - lãnh sự.

23. LUẬT ĐẦU TƯ QUỐC TẾ

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: Công pháp quốc tế

Học phần này cung cấp kiến thức chuyên sâu về khung pháp lý quốc tế về đầu tư. Cụ thể, học phần bao gồm các chủ đề giới thiệu chung về luật đầu tư quốc tế; lịch sử hình thành và phát triển của luật đầu tư quốc tế, giải thích các điều ước về đầu tư; khái niệm đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư nước ngoài; các tiêu chuẩn đối xử chung; vấn đề tước đoạt tài sản; các điều ước về đầu tư của khu vực ASEAN; các điều ước về đầu tư của Việt Nam và thực tiễn áp dụng và cơ chế giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư nước ngoài và nước tiếp nhận đầu tư.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ có kiến thức về các lĩnh vực then chốt của pháp luật đầu tư quốc tế, bao gồm các hiệp định đầu tư đa phương, song phương và khu vực; có khả năng phân tích, giải thích và đánh giá tính hiệu quả của các quy định pháp lý, có kiến thức về các cơ chế giải quyết tranh chấp

trong lĩnh vực luật đầu tư quốc tế (bao gồm công ước quốc tế về giải quyết tranh chấp đầu tư) và sự tương đồng và khác biệt đối với trọng tài thương mại.

24. LUẬT THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Công pháp quốc tế, Luật thương mại Việt Nam**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thương mại trong khuôn khổ các hiệp định thương mại quốc tế, các tổ chức kinh tế - thương mại khu vực và toàn cầu (tập trung vào tổ chức thương mại thế giới - WTO) cũng như các quan hệ thương mại song phương điển hình. Phân tích sự hình thành và thực tiễn áp dụng các luật này trong quan hệ kinh tế quốc tế cũng như những vấn đề Việt Nam phải đổi mới trong quá trình cải cách, hoàn thiện môi trường pháp lý để hội nhập thương mại hiệu quả.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có khả năng hiểu được quá trình ra đời và phát triển của WTO; các luật lệ chủ yếu của WTO thể hiện trong các hiệp định và án lệ của WTO; các nguyên tắc cơ bản điều chỉnh thương mại hàng hóa và các ngoại lệ của chúng; cũng như hiểu được các biện pháp được áp dụng trong thương mại quốc tế.

25. LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ QUỐC TẾ

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Công pháp quốc tế, Luật dân sự Việt Nam**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sở hữu trí tuệ (SHTT) quốc tế, cụ thể gồm các lý luận cơ bản về quyền sở hữu, tài sản trí tuệ, các nguyên tắc bảo hộ quyền tài sản trí tuệ; đối tượng bảo hộ, cách thức bảo hộ, thời gian bảo hộ, quyền của người sở hữu tài sản trí tuệ... đối với từng lĩnh vực của SHTT như sáng chế, bí mật thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, quyền tác giả, quyền liên quan. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các kiến thức thực tiễn liên quan đến quy trình và thủ tục đăng ký quốc tế đối với một số đối tượng của quyền SHTT và các hình thức vi phạm trên thực tế để sinh viên nắm bắt được cơ chế đảm bảo thực thi quyền SHTT trong các điều ước quốc tế.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể hiểu được hệ thống các văn bản pháp lý trong nước và quốc tế về sở hữu trí tuệ; các đặc trưng cơ bản của các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ; mối quan hệ giữa pháp luật trong nước và quốc tế liên quan tới sở hữu trí tuệ; và các vấn đề cơ bản liên quan tới các biện pháp thi hành quyền sở hữu trí tuệ.

26. TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Luật kinh tế quốc tế, Luật tố tụng dân sự Việt Nam**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thủ tục giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng trọng tài, khuôn khổ pháp luật trọng tài thương mại quốc tế, cách xác định luật áp dụng đối với tố tụng trọng tài và nội dung vụ việc, quy trình tố tụng trọng tài, thỏa thuận trọng tài, hội đồng trọng tài, ban hành và thực thi phán quyết trọng tài, vai trò của tòa án quốc gia trong tố tụng trọng tài và trọng tài Việt Nam.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể hiểu được hệ thống các văn bản pháp lý trong nước và quốc tế về trọng tài; hiểu được các đặc trưng cơ bản của thủ tục trọng tài; hiểu được mối quan hệ giữa pháp luật trong nước và quốc tế liên quan đến thỏa thuận trọng tài, thủ tục trọng tài và phán quyết trọng tài; nắm được mối quan hệ giữa ý chí của các bên và luật áp dụng trong tất cả các bước của thủ tục trọng tài; cũng như các vấn đề cơ bản liên quan đến thực thi phán quyết trọng tài.

27. LUẬT KINH DOANH QUỐC TẾ

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Luật kinh tế quốc tế**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về luật kinh doanh quốc tế bao gồm: khái niệm và đặc điểm của pháp luật kinh doanh quốc tế; các hệ thống pháp luật kinh doanh quốc tế chủ yếu trên thế giới; xung đột pháp luật trong kinh doanh quốc tế; các nguyên lý chung về hợp đồng kinh doanh quốc tế, bao gồm khái niệm, nguồn luật điều chỉnh, những vấn đề pháp lý cần lưu ý khi giao kết và thực hiện hợp đồng kinh doanh quốc tế; những kỹ năng

pháp lý cơ bản trong việc giao kết, thực hiện các hợp đồng kinh doanh quốc tế chủ yếu thường gặp như hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế; hợp đồng cung cấp dịch vụ quốc tế, hợp đồng đầu tư quốc tế; các phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh quốc tế.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể hiểu được khái niệm và đặc điểm của pháp luật kinh doanh quốc tế, các hệ thống pháp luật kinh doanh quốc tế chủ yếu trên thế giới, xung đột pháp luật trong kinh doanh quốc tế; các nguyên lý chung về hợp đồng kinh doanh quốc tế, những vấn đề pháp lý cần lưu ý khi giao kết và thực hiện hợp đồng kinh doanh quốc tế; cũng như nắm được các phương thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh quốc tế và cách lựa chọn, áp dụng phương pháp phù hợp với thực tiễn.

28. LUẬT HỢP ĐỒNG VIỆT NAM

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Lý luận về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam, Luật dân sự Việt Nam**

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về hợp đồng như khái niệm, đặc điểm, chủ thể, đối tượng, nội dung của các loại hợp đồng thông dụng như hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu tài sản, hợp đồng chuyển quyền sử dụng tài sản, hợp đồng có đối tượng là công việc.... Các nội dung này sẽ được phân tích kỹ trên cơ sở so sánh các qui định của pháp luật Việt Nam với pháp luật các nước, đối chiếu với thực tiễn thông qua các ví dụ cụ thể.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được cung cấp những kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn về hợp đồng và pháp luật hợp đồng; biết cách so sánh pháp luật về hợp đồng của Việt Nam và một số nước.

29. LUẬT DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Lý luận về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những lý luận cơ bản về luật kinh doanh trong nền kinh tế thị trường dưới góc độ khoa học pháp lý cũng như đòi hỏi của môi trường kinh doanh trong thực tiễn hiện nay ở Việt Nam. Trên cơ sở

đó, nội dung của học phần gồm những quy định chung của pháp luật Việt Nam về doanh nghiệp, thành lập doanh nghiệp và quy chế pháp lý về thành viên của doanh nghiệp, quy chế pháp lý của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã, tổ chức quản lý doanh nghiệp, tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp và thủ tục phá sản doanh nghiệp, cạnh tranh và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể hiểu được các kiến thức cơ bản về pháp luật doanh nghiệp của Việt Nam; hiểu được các loại hình doanh nghiệp theo quy định của Việt Nam; hiểu được cách thức giải quyết các tranh chấp trong kinh doanh.

30. LUẬT ĐẦU TƯ VIỆT NAM

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Lý luận về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức pháp lý về đầu tư theo quy định tại Luật Đầu tư và các văn bản pháp luật khác có liên quan của Việt Nam như khung pháp lý về hoạt động đầu tư và pháp luật về đầu tư trong nền kinh tế thị trường, quy trình, thủ tục đầu tư và triển khai dự án đầu tư, các biện pháp bảo đảm, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư, đối tượng và phạm vi áp dụng các biện pháp đó, quy chế pháp lý các khu kinh tế đặc biệt, đầu tư theo hợp đồng và hoạt động đầu tư ra nước ngoài.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu rõ được bản chất của hoạt động đầu tư trong nền kinh tế thị trường Việt Nam, hiểu được các hình thức đầu tư trực tiếp và gián tiếp trên lãnh thổ Việt Nam, đồng thời có thể vận dụng các kiến thức pháp lý quan trọng về lĩnh vực địa bàn đầu tư, chính sách ưu đãi đầu tư của nhà nước Việt Nam phục vụ cho doanh nghiệp, cho việc thiết lập một dự án đầu tư tại Việt Nam hoặc tư vấn cho doanh nghiệp đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài.

31. LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ VIỆT NAM

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Lý luận về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam, Luật dân sự Việt Nam

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về SHTT Việt Nam và một số quốc gia như các lý luận cơ bản về quyền sở hữu, tài sản trí tuệ, các nguyên tắc bảo hộ quyền tài sản trí tuệ; đối tượng bảo hộ... đối với từng lĩnh vực của SHTT như sáng chế, bí mật thương mại, nhãn hiệu, thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, quyền tác giả, quyền liên quan; quyền đối với giống cây trồng và quy trình và thủ tục đăng ký tại Cục SHTT đối với một số đối tượng của quyền SHTT.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị các kiến thức cơ bản liên quan đến nhiều lĩnh vực của SHTT quy định trong pháp luật Việt Nam và pháp luật một số quốc gia tiêu biểu. Từ đó, sinh viên có được cái nhìn bao quát và có khả năng đối chiếu, so sánh luật pháp của các quốc gia trong cùng một lĩnh vực SHTT nhằm áp dụng vào các vụ việc trên thực tế.

32. LUẬT LAO ĐỘNG VIỆT NAM

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Lý luận về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam

Học phần này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về các vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng, ban hành, thực thi các định chế về quan hệ lao động và các vấn đề thuộc lĩnh vực lao động - xã hội. Bên cạnh các vấn đề lý luận chung, các nội dung pháp luật được nghiên cứu chủ yếu bao gồm: cơ chế ba bên, quản lý nhà nước về lao động, việc làm, học nghề, quyền công đoàn và vấn đề đại diện lao động, quan hệ hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể, các điều kiện lao động, quản lý lao động trong doanh nghiệp, tranh chấp lao động, đình công. Song song với việc nghiên cứu các vấn đề pháp lý của Việt Nam, học phần Luật lao động còn nghiên cứu các vấn đề lao động quốc tế (trong khuôn khổ các quy tắc pháp lý về lao động của Tổ chức lao động quốc tế - ILO) và của khu vực.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu được hệ thống các văn bản pháp lý trong nước và quốc tế về luật lao động. Bên cạnh đó, sinh viên cũng tích lũy được các kiến thức cơ bản để xác định được hợp đồng, tiền lương và các vấn đề liên quan trong quan hệ pháp luật lao động.

33. LUẬT HÀNH CHÍNH VIỆT NAM

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Lý luận về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngành luật hành chính; quản lý hành chính nhà nước; vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp kiểm tra, giám sát đối với hoạt động quản lý hành chính nhà nước. Học phần tập trung vào 3 vấn đề chính bao gồm (1) những vấn đề lý luận chung về quản lý hành chính nhà nước; (2) những nội dung cơ bản của ngành luật hành chính và (3) những nội dung cơ bản của việc bảo đảm pháp chế trong quản lý hành chính nhà nước.

Sinh viên tích lũy được những kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn quản lý hành chính nhà nước và pháp luật về quản lý hành chính nhà nước như địa vị pháp lý của các chủ thể trong quan hệ pháp luật hành chính, thủ tục hành chính, quyết định hành chính, vi phạm và xử lý vi phạm hành chính. Bên cạnh đó, sinh viên có khả năng vận dụng một số quy định pháp luật hành chính để giải quyết các tình huống liên quan trong thực tiễn.

34. LUẬT THUẾ, TÀI CHÍNH VÀ NGÂN HÀNG VIỆT NAM

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Lý luận về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam, Luật dân sự Việt Nam

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quy định của pháp luật liên quan đến thuế, tài chính và ngân hàng cũng như những hiểu biết cần thiết về thuế, tài chính và ngân hàng như phân loại thuế, nghĩa vụ thuế đối với cá nhân và doanh nghiệp, các loại hình tổ chức tín dụng, chức năng của ngân hàng nhà nước và mối quan hệ với các tổ chức tín dụng...

Học phần giúp sinh viên hiểu được hệ thống các văn bản pháp lý trong nước và quốc tế về lĩnh vực thuế, tài chính và ngân hàng. Bên cạnh đó, sinh viên tích lũy được các kiến thức cơ bản về tổ chức và hệ thống ngân hàng nhà nước, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, thuế liên quan đến đất đai và các loại thuế khác, chức năng và điều hành ngân hàng nhà nước.

35. LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH VIỆT NAM

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Luật dân sự Việt Nam**

Học phần này có tính ứng dụng cao và gắn với cuộc sống của mỗi cá nhân trong cộng đồng. Học phần gồm 2 phần chính: Phần lý luận giới thiệu các hình thái hôn nhân gia đình (HNGĐ) trong lịch sử; các khái niệm cơ bản như khái niệm hôn nhân, khái niệm gia đình, khái niệm luật HNGĐ, quan hệ pháp luật HNGĐ; các nguyên tắc cơ bản của luật HNGĐ Việt Nam. Phần các chế định pháp lý cụ thể nghiên cứu những quy định của pháp luật hiện hành về kết hôn; nghĩa vụ và quyền của vợ chồng; quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con; cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình; ly hôn; giám hộ giữa các thành viên trong gia đình và quan hệ HNGĐ có yếu tố nước ngoài.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể nhận biết các vấn đề pháp lý liên quan đến lĩnh vực hôn nhân và gia đình như kết hôn, quan hệ vợ chồng, quan hệ cha, mẹ, con, quan hệ pháp luật giữa các thành viên khác của gia đình, cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình, ly hôn... từ đó có thể đối chứng với thực trạng các vấn đề đó trong đời sống xã hội. Bên cạnh đó, học phần cũng giúp sinh viên biết vận dụng một số quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình để giải quyết các tình huống liên quan trong thực tiễn.

36. LUẬT ĐẤT ĐAI VÀ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Lý luận về pháp luật và hệ thống pháp luật Việt Nam**

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức chung cơ bản về luật đất đai và luật môi trường Việt Nam. Cụ thể, phần 1 của học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về sở hữu, quản lý đất đai ở Việt Nam trên cơ sở tính đặc thù của chế độ sở hữu toàn dân về đất đai. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp hệ thống kiến thức về giải quyết tranh chấp đất đai, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai. Phần 2 của học phần nghiên cứu đến các khía cạnh xã hội của môi trường. Đồng thời, học phần này cũng cung cấp cho sinh viên những kiến thức

về quản lý các yếu tố của môi trường, bảo vệ môi trường, giải quyết tranh chấp phát sinh.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị các kiến thức cơ bản mang tính lý luận về luật đất đai, giúp sinh viên nhận thức được chế độ sở hữu toàn dân đối với đất đai ở Việt Nam mang tính đặc biệt chi phối quản lý và sử dụng đất đai và thể hiện cụ thể trong các quy phạm pháp luật đất đai. Ngoài ra, học phần này cũng giúp người đọc nắm bắt được các vấn đề quan trọng của pháp luật về môi trường như pháp luật về kiểm soát ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường; về bảo tồn đa dạng sinh học, bảo tồn di sản và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên.

37. LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ VIỆT NAM

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Luật dân sự Việt Nam**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về vấn đề lý luận về luật tố tụng dân sự, nội dung các quy định của pháp luật tố tụng dân sự và thực tiễn thực hiện chúng tại các cơ quan tư pháp, bao gồm: khái niệm và các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự, thẩm quyền dân sự của Tòa án nhân dân; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng; chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự; biện pháp khẩn cấp tạm thời; tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng; trình tự, thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự tại tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm và thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị các kiến thức chung về tố tụng dân sự và các pháp luật liên quan đến tố tụng dân sự. Ngoài ra, sinh viên sẽ có các kiến thức thực tiễn về việc áp dụng các quy định pháp luật về tố tụng dân sự trước các cơ quan tư pháp, trong đó có tòa án.

38. KỸ NĂNG TRANH TỤNG VÀ THỰC HÀNH DIỄN ÁN LUẬT

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức thực tiễn về các cuộc thi diễn án luật quốc tế phổ biến trên thế giới trong các lĩnh vực công pháp quốc tế, luật nhân đạo quốc tế, luật thương mại quốc tế, trọng tài thương mại quốc tế, luật môi trường quốc tế... Học phần cũng giúp sinh viên phát triển các kỹ năng cần thiết của một luật sư khi tham gia vào quá trình tố tụng. Các kỹ năng bao gồm chuẩn bị hồ sơ tranh tụng (nghiên cứu vụ việc, phân tích chứng cứ, viết bản đệ trình...) và kỹ năng trình bày trước tòa sẽ được phát triển và trau dồi thông qua các bài tập tình huống cụ thể và phiên tòa giả định.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên nắm được chủ đề, nội dung các cuộc thi diễn án luật quốc tế lớn và phổ biến trên thế giới. Thông qua học phần, sinh viên nắm được tầm quan trọng của việc rèn luyện kĩ năng nghiên cứu pháp lý, kỹ năng viết, kỹ năng tranh tụng và trình bày một vấn đề pháp lý.

39. KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần này giới thiệu tới sinh viên những loại văn bản hành chính quan trọng trong các cơ quan hành chính Nhà nước của Việt Nam, đặc biệt là những văn bản mang tính chất đặc thù của ngành Ngoại giao và cách thức soạn thảo những loại văn bản này. Học phần trang bị cho sinh viên khái niệm về các loại văn bản, đặc trưng, thể thức và kỹ thuật soạn thảo một số văn bản hành chính thường dùng và văn bản chuyên ngành ngoại giao.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu và nắm vững các loại văn bản quản lý hành chính nhà nước, văn bản hợp đồng dân sự, văn bản hợp đồng kinh tế, văn bản ngoại giao..., đồng thời rèn luyện những kỹ năng xây dựng văn bản theo quy định. Qua đó, sinh viên sau khi ra trường có thể đáp ứng yêu cầu viết các loại văn bản trong quá trình công tác tại các cơ quan, đoàn thể, doanh nghiệp.

40. KỸ NĂNG HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để hành nghề luật sư như nghiên cứu hồ sơ vụ việc, tư vấn pháp lý, đàm phán giải quyết tranh chấp, thuyết trình, tranh tụng trước tòa... thông qua việc giải quyết các tình huống thực tế bằng việc viết các bản báo cáo tóm tắt vụ việc, văn bản tư vấn khách hàng,...

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có các kiến thức pháp lý về pháp luật liên quan đến luật sư. Qua đó, học phần góp phần hình thành cho sinh viên các quan điểm vững chắc về đạo đức hành nghề luật sư. Bên cạnh đó, giúp sinh viên có kinh nghiệm xử lý ban đầu các tình huống pháp lý.

41. KỸ NĂNG ĐÀM PHÁN VÀ KÝ KẾT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận cũng như thực tiễn đàm phán ký kết ĐUQT; giúp sinh viên nắm bắt được chiến lược, chiến thuật đàm phán, cách thức triển khai đàm phán, kỹ năng đàm phán và soạn thảo một số văn kiện ngoại giao trong đàm phán ký kết điều ước quốc tế... Trên cơ sở đó, sinh viên có thể áp dụng, xem xét, đánh giá thực tiễn đàm phán, ký kết điều ước quốc tế của Việt Nam trong một số lĩnh vực, đặc biệt là các điều ước quốc tế trong lĩnh vực thương mại và các hiệp định thương mại song phương, đa phương.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị các kiến thức lý thuyết chung về đàm phán và ký kết điều ước quốc tế và nắm bắt các yếu tố có ảnh hưởng đến đàm phán điều ước quốc tế. Ngoài ra, sinh viên cũng có được các kiến thức về quá trình chuẩn bị và thực hành đàm phán.

42. TIẾNG ANH CƠ SỞ I

Số tín chỉ: **04**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Đối với các trường hợp có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương B1 (5.5 IELTS), sinh viên có thể làm đơn đổi điểm theo Quy định của Khoa Tiếng Anh.

Học phần là cơ sở để sinh viên phát triển 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc và Viết phục vụ giao tiếp ở mức độ trung cấp. Học phần nhằm giúp sinh viên giao tiếp hiệu quả trong hầu hết các tình huống hàng ngày, nắm được ý chính của các bài đọc có độ dài trung bình về một chủ đề quen thuộc dễ đoán, sử dụng từ vựng tiếng Anh hiệu quả để viết được đoạn văn ngắn với chủ đề thông thường và có thể nghe hiểu ý chính và nắm được thông tin trong các đoạn hội thoại với các chủ đề đời sống hàng ngày.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể sử dụng tiếng Anh ở mức độ trung bình để giao tiếp trong các tình huống hàng ngày với các chủ đề quen thuộc, có thể hình thành kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh và xây dựng thái độ tích cực và niềm yêu thích đối với việc học ngoại ngữ.

43. TIẾNG ANH CƠ SỞ II

Số tín chỉ: 04

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh cơ sở I**

Đối với các trường hợp có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương B2 (6.0 IELTS), sinh viên có thể làm đơn đổi điểm theo Quy định của Khoa tiếng Anh.

Học phần giúp sinh viên tiếp tục phát triển 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết phục vụ cho mục đích học thuật. Học phần nhằm củng cố và nâng cao khả năng giao tiếp của sinh viên từ mức độ trung bình tới phức tạp, giúp sinh viên hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn của bản thân. Sinh viên có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ; có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể sử dụng tiếng Anh ở mức độ trung cấp bậc 4/6 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)

44. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO I

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh cơ sở I và II** (không áp dụng đối với những sinh viên được miễn học Tiếng Anh cơ sở I và II)

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên các cách tiếp cận cơ bản khi đọc các bài báo từ các tạp chí quốc tế và nghe các đoạn tin tức thời sự từ các kênh truyền thanh nổi tiếng thế giới, qua đó hình thành phương pháp tìm tài liệu và phân tích tình hình, các vấn đề quốc tế. Học phần cũng tập trung vào việc đọc hiểu các bài báo của tờ International Herald Tribune và nghe hiểu các đoạn tin tức và bình luận ở tốc độ chậm trên chương trình Special English của VOA/BBC, kết hợp với các giờ thảo luận, phân tích dựa trên các chủ đề của giáo trình cũng như các vấn đề nổi bật của tình hình quốc tế.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể tiếp thu các nội dung kiến thức và kỹ năng thông qua bộ hệ thống các câu hỏi, đề tài thuyết trình, từ đó vận dụng được khái niệm từ vựng cơ bản chuyên ngành ngoại giao. Về mặt kiến thức, sinh viên nắm vững các từ ngữ, thuật ngữ, các thành ngữ cơ bản của chuyên ngành ngoại giao và các vấn đề toàn cầu bằng tiếng Anh.

45. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO II

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh chuyên ngành ngoại giao I**

Học phần tiếp tục cung cấp cho sinh viên các phương pháp tiếp cận khi đọc các bài báo từ các tạp chí quốc tế và nghe các đoạn tin tức thời sự từ các kênh truyền thanh phổ biến thế giới, từ đó biết cách tìm tài liệu phù hợp và phân tích các vấn đề quốc tế. Học phần tập trung vào các bài báo của tờ International Herald Tribune theo các chủ đề phong cách sống, nghệ thuật, giải trí, công nghệ, khoa học và sức khỏe, cũng như nghe hiểu các đoạn tin tức và bình luận ở tốc độ chậm trên chương trình Special English của VOA/BBC, kết hợp với các buổi thảo luận, phân tích dựa trên các chủ đề của giáo trình cũng như các vấn đề thời sự quốc tế nổi bật.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể vận dụng được khái niệm đa dạng theo các chủ đề đã học. Về mặt kiến thức, sinh viên hiểu được và sử dụng các từ ngữ, thuật ngữ, các thành ngữ cơ bản và chuyên ngành bằng tiếng Anh trong lĩnh vực thời sự quốc tế, vấn đề toàn cầu. Về mặt kỹ năng, sinh viên sẽ được nâng cao các kỹ năng tiếp thu và trình bày vấn đề trong bối cảnh rộng hơn.

46. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO III

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh chuyên ngành ngoại giao II**

Học phần tiếp tục cung cấp cho sinh viên các cách tiếp cận cơ bản khi đọc các bài báo từ các tạp chí quốc tế và nghe các đoạn tin tức thời sự từ các kênh truyền thanh nổi tiếng thế giới, qua đó hình thành và phát triển phương pháp tìm tài liệu và phân tích tình hình quốc tế. Học phần tập trung vào việc phân tích các bài báo về chủ đề ngoại giao từ các tờ báo có tên tuổi trên thế giới như The Guardian Weekly, The Economist, The New York Times, v.v. Học phần cũng tập trung vào nghe các đoạn tin có tốc độ trung bình trên các kênh truyền thanh như VOA và BBC. Học phần bao gồm các giờ thảo luận dựa trên các chủ đề của giáo trình cũng như các vấn đề nổi bật của tình hình quốc tế tại thời điểm đó.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về các vấn đề chính trị, an ninh, kinh tế, văn hoá, xã hội, luật pháp, khoa học, công nghệ cũng như các vấn đề của ngành ngoại giao và các vấn đề toàn cầu. Sinh viên có thể khai thác và thảo luận nội dung các tin/bài được đăng tải trên các báo/chương trình phát thanh tiếng Anh về các chủ đề đã học hoặc các vấn đề nổi bật của tình hình quốc tế tại thời điểm đó.

47. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO IV

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh chuyên ngành ngoại giao III**

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức sâu rộng về ngoại giao và các vấn đề toàn cầu trong mọi lĩnh vực. Sinh viên sẽ đọc, nghe, thảo luận và trình bày xung quanh nội dung các tin/bài được đăng tải trên các báo/chương trình phát thanh bản ngữ ở tốc độ nhanh. Sinh viên tiếp tục được trang bị các kỹ năng mới như đọc để rút ra ý chính, suy luận để tìm ra được những nội dung liên quan trong bài báo, nghe để rút ra được ý chính cho cả đoạn tin, kỹ năng tóm tắt đoạn tin.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể xác định vấn đề thời sự, so sánh đối chiếu và biện luận những nhân tố tác động đến các sự kiện quốc tế; có

khả năng xây dựng lại một sự kiện, hay một đoạn tin dựa trên những phân tích, lập luận trong quá trình đọc hiểu, nghe hiểu tin tức đó; có khả năng sắp xếp ý, tổng hợp vấn đề, phân tích có chiều sâu một vấn đề thuộc lĩnh vực quan hệ quốc tế (chính trị, kinh tế, ngoại giao đa phương, song phương).

48. TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH NGOẠI GIAO V

Số tín chỉ: 04

Điều kiện tiên quyết: **Tiếng Anh chuyên ngành ngoại giao IV**

Học phần tiếp tục cung cấp cho sinh viên các cách tiếp cận nâng cao khi đọc các bài báo từ các tạp chí quốc tế và nghe các đoạn tin tức thời sự và bình luận theo những chủ đề thuộc chuyên ngành ngoại giao từ các kênh truyền thanh nổi tiếng thế giới, qua đó hình thành và phát triển phương pháp tìm tài liệu và phân tích tình hình quốc tế. Học phần tập trung vào việc phân tích các bình luận về chủ đề ngoại giao từ các tờ báo có tên tuổi trên thế giới như The Guardian Weekly, The Economist, The Diplomat, the New York Times,... Đối với kỹ năng đọc hiểu, người học sẽ vận dụng được toàn bộ các kỹ năng đã được học ở các học phần trước để có thể hiểu sâu nội dung của bài bình luận, đồng thời người học cũng sẽ được trang bị các kỹ năng và kiến thức để vận dụng vào viết một bài tóm tắt hoàn chỉnh về nội dung bài đọc, bình luận. Với kỹ năng nghe hiểu, học phần tiếp tục tập trung vào nghe các đoạn tin, bài bình luận có tốc độ nhanh trên các kênh truyền thanh nổi tiếng thế giới như VOA và BBC.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên nắm được kiến thức sâu hơn về các vấn đề thuộc chuyên ngành ngoại giao; sinh viên có thể tái tạo lại bản tin bằng tiếng Anh và tiếng Việt. Sinh viên sẽ có khả năng trình bày quan điểm của mình về vấn đề tác giả nêu trong bài bình luận: đồng tình hoặc không đồng tình với quan điểm của tác giả.

49. LỊCH SỬ QUAN HỆ QUỐC TẾ HIỆN ĐẠI

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần thuộc nhóm kiến thức bổ trợ nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và hệ thống về quá trình phát triển của quan hệ quốc tế từ sau Thế chiến II đến nay cũng như những nội dung chính trong chính sách đối ngoại

của một số nước, chủ yếu là các nước lớn. Học phần cũng trang bị cho sinh viên khả năng phân tích các vấn đề quốc tế hiện đại.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về các mối quan hệ giữa các nước lớn, có đủ kiến thức để áp dụng vào việc hiểu các vấn đề trong quan hệ quốc tế hiện nay và có thể phân tích và đánh giá một vấn đề quốc tế cụ thể. Sinh viên có tư duy phản biện trong việc phân tích các vấn đề quốc tế, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, trình bày về một vấn đề quốc tế cụ thể. Sinh viên có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, và tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới lĩnh vực quan hệ quốc tế và có khả năng đưa ra những nhận định, đánh giá cá nhân về các vấn đề quốc tế.

50. CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI VIỆT NAM TỪ 1975 ĐẾN NAY

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nằm trong khối kiến thức bổ trợ nhằm cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam kể từ năm 1975 đến nay, cũng như quá trình hoạch định và triển khai chính sách đối ngoại Việt Nam thời kỳ Đổi mới; trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích chính sách đối ngoại.

Sau khi học xong học phần này, sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản về quá trình đổi mới tư duy đối ngoại, các thành tố của chính sách đối ngoại Việt Nam; có khả năng phân tích và đánh giá một vấn đề đối ngoại cụ thể của Việt Nam; có thể áp dụng phương pháp tiếp cận phù hợp để phân tích chính sách đối ngoại Việt Nam qua các giai đoạn, có khả năng trình bày về một vấn đề cụ thể trong chính sách đối ngoại. Sinh viên hình thành năng lực tự học, tích lũy kiến thức, và tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới lĩnh vực quan hệ quốc tế, có khả năng đưa ra những nhận định, đánh giá cá nhân về các vấn đề đối ngoại và có nhận thức tốt về vai trò của chính sách đối ngoại trong bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc của Việt Nam.

51. CÔNG TÁC NGOẠI GIAO

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản và hệ thống về công tác ngoại giao. Cụ thể, sinh viên được giới thiệu về những nghiệp vụ cơ bản của công tác ngoại giao như các cơ quan quan hệ đối ngoại ở trong nước và nước ngoài; công văn ngoại giao; ngoại giao kinh tế; ngoại giao văn hóa; công tác báo chí và thông tin đối ngoại; công tác lãnh sự; công tác lễ tân ngoại giao; phép lịch sự xã giao và tư tưởng, phương pháp, phong cách và nghệ thuật ngoại giao Hồ Chí Minh và được luyện tập các kỹ năng này.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản và hệ thống về công tác ngoại giao; về các nghiệp vụ ngoại giao để có thể bắt đầu nghề ngoại giao; có kỹ năng nhất định trong việc tổ chức các sự kiện ngoại giao liên quan đến công tác lễ tân ngoại giao, họp báo, ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm hay nghiên cứu một vấn đề liên quan đến nghiệp vụ ngoại giao; có khả năng tự phát triển mở rộng các kiến thức có liên quan tới nghiệp vụ ngoại giao, đưa ra những ý kiến tham mưu về các vấn đề nghiệp vụ ngoại giao như lễ tân, báo chí, lãnh sự, có năng lực lập kế hoạch và dẫn dắt trong việc thực hiện các sự kiện ngoại giao.

52. TRUYỀN THÔNG QUỐC TẾ

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành những môn thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về truyền thông quốc tế cũng như các lý thuyết căn bản liên quan đến truyền thông quốc tế, các hoạt động truyền thông quốc tế trên thế giới và tình hình phát triển của TTQT tại Việt Nam. Theo đó, kiến thức được giảng dạy gồm các nội dung chính: khái quát về truyền thông quốc tế (bao gồm các khái niệm cơ bản, lịch sử phát triển, các đặc điểm, vai trò, chức năng của truyền thông quốc tế); lý thuyết tiếp cận truyền thông quốc tế; giới thiệu truyền thông một số quốc gia, các tập đoàn truyền thông quốc tế tiêu biểu trên thế giới; và phần sau cùng là các vấn đề căn bản của truyền thông quốc tế tại Việt Nam.

Sau môn học, sinh viên hiểu rõ các khái niệm cơ bản về truyền thông nói chung và truyền thông quốc tế nói riêng; phân tích được các đặc điểm của truyền thông quốc tế; hiểu và so sánh được lịch sử truyền thông quốc tế; đánh giá đầy đủ về vai trò, chức năng của truyền thông quốc tế. Sinh viên cũng có thể áp dụng các lý thuyết trong phân tích các hoạt động truyền thông quốc tế và toàn cầu, giúp tạo dựng kỹ năng phân tích và phản biện về chính sách và hoạt động truyền thông quốc tế. Từ đó, sinh viên có thể tự phân loại các hoạt động truyền thông, tự thiết kế cách nghiên cứu chuyên đề về truyền thông quốc tế. Ngoài ra, sinh viên cũng sẽ tự rút ra bài học để hình thành thái độ tích cực, tiếp thu có chọn lọc trên cơ sở phân tích các dòng thông tin trên truyền thông quốc tế. Qua đó trau dồi bản lĩnh chính trị vững vàng, kỹ năng phân tích tin tức truyền thông để áp dụng trong công việc sau này.

53. NGOẠI GIAO VĂN HÓA

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: Những môn thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về: các nội dung cơ bản của ngoại giao văn hóa; cơ sở thực tiễn của ngoại giao văn hóa; cơ sở lý luận của ngoại giao văn hóa; các công cụ của ngoại giao văn hóa (chủ yếu là công cụ truyền thông đại chúng và công cụ văn hóa đại chúng); và các quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về ngoại giao văn hóa.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên hiểu rõ khái niệm ngoại giao văn hóa; phân biệt ngoại giao văn hóa với ngoại giao công chúng; nhận biết về sự cần thiết và lợi ích của việc sử dụng văn hóa như sức mạnh mềm; hiểu được lịch sử của ngoại giao văn hóa; phân tích, so sánh, đối chiếu các học thuyết về ngoại giao văn hóa; áp dụng cơ chế chuyển hóa thông tin và cơ chế chuyển hóa văn hóa thành sức mạnh vào thực tiễn; hiểu được quan điểm, mục tiêu, chủ thể, công cụ của ngoại giao văn hóa Việt Nam; áp dụng kỹ năng giao tiếp liên văn hóa, tác nghiệp ngoại giao, kỹ năng quảng bá và tuyên truyền văn hóa đối ngoại, kỹ năng sử dụng văn hóa cho mục tiêu ngoại giao vào thực tiễn và hình thành ý thức tự hào về ngoại giao văn hóa Việt Nam, lòng trung thành với lợi ích quốc gia, dân tộc trong lĩnh vực văn hóa đối ngoại.

54. QUAN HỆ KINH TẾ QUỐC TẾ

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và cụ thể về: các khái niệm kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế; thương mại quốc tế; đầu tư trực tiếp nước ngoài; vấn đề viện trợ và nợ nước ngoài; vấn đề hợp tác quốc tế trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và môi trường; di chuyển sức lao động quốc tế; thị trường ngoại hối và cán cân thanh toán quốc tế; hội nhập kinh tế quốc tế. Đồng thời, học phần còn nghiên cứu về các quá trình kinh tế diễn ra trong mối quan hệ giữa các quốc gia với nhau và giữa các quốc gia với các tổ chức kinh tế quốc tế. Các mối quan hệ đó mang tính khách quan và ngày càng phát triển, mở rộng trên quy mô toàn cầu.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có thể phân tích và đánh giá đúng bản chất tính tất yếu khách quan của các quan hệ kinh tế quốc tế; các nội dung, đối tượng và phương pháp nghiên cứu của học phần quan hệ kinh tế quốc tế; đồng thời biết vận dụng các phương pháp nghiên cứu trong quá trình học tập. Học phần cũng giúp sinh viên áp dụng trong thực tế các phương pháp định tính và định lượng để phân tích các sự kiện về kinh tế quốc tế; rèn luyện khả năng năng phân tích, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cùng các kỹ năng giao tiếp trong môi trường hội nhập quốc tế.

55. KINH TẾ ĐỐI NGOẠI VIỆT NAM

Số tín chỉ: **02**

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về những vấn đề chung về kinh tế đối ngoại như: cơ sở phát triển kinh tế đối ngoại, quá trình đổi mới chính sách kinh tế đối ngoại, quan điểm cơ bản phát triển kinh tế đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta và thành tựu về phát triển kinh tế đối ngoại; một số vấn đề trong phát triển kinh tế đối ngoại nước ta hiện nay; các lĩnh vực chủ yếu của kinh tế đối ngoại: ngoại thương, đầu tư nước ngoài, hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), du lịch quốc tế, xuất khẩu lao động và chuyên gia; vấn đề nâng cao năng

lực cạnh tranh của nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh hội nhập; sự tham gia của Việt Nam trong một số tổ chức kinh tế quốc tế; quan điểm và chiến lược phát triển kinh tế đối ngoại của Việt Nam.

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên được trang bị kỹ lưỡng những phương pháp để phân tích, thuyết trình những vấn đề thuộc lĩnh vực kinh tế đối ngoại, đồng thời biết vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề cụ thể trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại từ đó nâng cao kiến thức và khả năng đánh giá, đưa ra giải pháp, mô hình ý tưởng mới đối với chính sách kinh tế đối ngoại của Đảng và Nhà nước từ góc độ hội nhập. Học phần cũng giúp sinh viên rèn luyện khả năng năng phân tích, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm cùng các kỹ năng giao tiếp trong môi trường kinh doanh đa văn hóa.

56. TIN HỌC

Số tín chỉ: 02

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; phần mềm hệ thống (hệ điều hành), phần mềm ứng dụng, phần mềm công cụ; khai thác hệ điều hành phổ thông MS Windows; sử dụng các phần mềm văn phòng để làm tài liệu, quản trị dữ liệu ở mức đơn giản; sử dụng các dịch vụ trên Internet như e-mail, tìm kiếm tin tức.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể hiểu biết và sử dụng các ứng dụng văn phòng của Microsoft như: Word, Excel, Powerpoint, Access, Outlook ...

57. GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Số tín chỉ: 03

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thể thao quần chúng bao gồm: hiểu biết nguyên tắc, phương pháp huấn luyện thể lực, luật và tổ chức thi đấu một số môn thể thao.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có các kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản, hình thành thói quen luyện tập thể dục, thể thao để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

58. GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG

Số tín chỉ: 08

Điều kiện tiên quyết: **Không**

Học phần bao gồm: (i) Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng; (ii) Công tác quốc phòng, an ninh; (iii) Học phần quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn; (iv) Hiểu biết chung về quân, binh chủng.

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân sự cấp trung đội, biết sử dụng súng ngắn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng

Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2020

PHÓ GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH



TS. Phạm Lan Dung

PHÓ TRƯỞNG KHOA

TS. Trịnh Hải Yến